

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 231/2023/DS-PT  
Ngày 31 – 7 – 2023  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Minh Trung

*Các Thẩm phán:* Bà Châu Minh Hoàng

Bà Đinh Cẩm Đào

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trương Quốc V, sinh năm 1971.

Địa chỉ cư trú: Ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Đặng Minh Hải, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Số 24, đường 3/2, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1954 (đã chết).

*Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q:*

1.1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1952 (có mặt);

1.2. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1975 (vắng mặt);

1.3. Anh Nguyễn Văn B4, sinh năm 1977 (vắng mặt);

1.4. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 (vắng mặt);

- 1.5. Anh Nguyễn Văn G2, sinh năm 1981 (vắng mặt);
- 1.6. Anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1983 (vắng mặt);
- 1.7. Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1985 (vắng mặt);
- 1.8. Anh Nguyễn Văn B2, sinh năm 1980 (vắng mặt);
- 1.9. Chị Nguyễn Thị A2, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

2. Ông Nguyễn Văn B3, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

3. Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1951 (đã chết).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S1:* Anh Nguyễn Minh S2 (họ, tên khác: Nguyễn Văn S2), sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C . (có mặt).

6. Anh Nguyễn Hoàng G1 (họ, tên khác: Nguyễn Văn G1), sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

7. Ông Nguyễn Văn E1 (đã chết).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Em:*

- 7.1. Anh Nguyễn Hoàng G1, sinh năm 1973;

- 7.2. Anh Nguyễn Văn N (có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

8. Ông Nguyễn Hữu B1, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Hoàng G1, anh Nguyễn Văn N là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn E1 là bị đơn; anh Nguyễn Minh S2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S1 là bị đơn; bà Dương Thị T là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q là bị đơn; ông Nguyễn Văn B3, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Hoàng G1 (Nguyễn Văn G1), ông Nguyễn Hữu B1 là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình tố tụng, Nguyên đơn, ông Trương Quốc V trình bày:*

Ông có 02 thửa đất liền kề nhau, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ., cụ thể: Thửa thứ nhất, có diện tích 20.250m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 320, tờ bản đồ số 05 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

vào ngày 10/4/2001; Thừa thứ hai, có diện tích  $5.850\text{m}^2$ , thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 10 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/4/2006. Năm 2004, ông phát hiện ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Hữu B1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn Em, ông Nguyễn Văn B3 và bà Nguyễn Thị A1 là những người có phần đất tiếp giáp, liền kề với chiều dài bờ đất của ông đã lấn chiếm hết phần đất bờ ranh để làm đường nước nên ông yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết tranh chấp. Đến ngày 16/3/2004, chính quyền cấp giải quyết và các bên đã thỏa thuận được ranh đất nên tiến hành cắm trụ đá làm ranh có sự chứng kiến của Ban nhân dân ấp. Tuy nhiên, đến năm 2007, các bên lại xảy ra tranh chấp ranh do các bị đơn thực hiện không đúng thỏa thuận tại biên bản ngày 16/3/2004. Ngày 31/8/2007, ông và các hộ giáp ranh tiến hành cắm mốc lại với sự chứng kiến của chính quyền địa phương nhưng khoảng 01 tháng sau, các hộ giáp ranh trên lại tiếp tục đào bờ, dời ranh qua đất ông nên ông tiếp tục yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Đến ngày 28/01/2008, các bên tiếp tục cắm mốc lại lần nữa. Ngày 07/11/2010, ông phát hiện ông B3 đào hết phần đất bờ và dời ranh nên trình báo với địa phương. Sau đó, địa phương có buộc ông B3 đắp lại bờ nhưng ông B3 không thực hiện. Vào ngày 02/6/2011, ông Em đào hết bờ dời ranh đất qua phần đất vuông của ông, khi chính quyền mời thì ông Em không đến để giải quyết tranh chấp.

Đến ngày 22/12/2020, ông phát hiện những đương sự nêu trên đưa xáng cuốc vào mức hết bờ lấn qua phần đất vuông của ông nên ông tiếp tục yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Tân Thành giải quyết nhưng không giải quyết được do các đương sự cố tình không chấp hành giấy mời của Ủy ban nhân dân xã nên vụ việc không tiến hành hòa giải được. Từ đó, ông khởi kiện đến Tòa án yêu cầu buộc các đương sự trả lại phần đất bờ ranh đã lấn chiếm, cụ thể: Ông Nguyễn Văn Q trả lại phần đất có diện tích  $42\text{m}^2$ , ông Nguyễn Hữu B1 trả lại phần đất có diện tích  $300\text{m}^2$ , ông Nguyễn Văn D trả lại phần đất có diện tích  $300\text{m}^2$ , anh Nguyễn Hoàng G1 trả lại phần đất có diện tích  $402\text{m}^2$ , bà Nguyễn Thị A1 trả lại phần đất có diện tích  $300\text{m}^2$ , ông Nguyễn Văn B3 trả lại phần đất có diện tích  $402\text{m}^2$  và ông Nguyễn Văn S1 trả lại phần đất có diện tích  $360\text{m}^2$ .

Hiện nay, ông S1 cùng ông Q và ông Em đã chết và phần đất của ông Q do bà Dương Thị T cùng các con là anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn B4, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn G2, anh Nguyễn Văn L3, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B2 và chị Nguyễn Thị A2 đang quản lý sử dụng còn phần đất của ông Em do anh Nguyễn Văn N quản lý sử dụng, phần đất của ông S1 do anh Nguyễn Văn S2 quản lý sử dụng nên ông yêu cầu những người này trả lại diện tích đất bờ đã lấn chiếm theo bản vẽ hiện trạng thực tế của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong đo vẽ được ký ngày 28/02/2023, cụ thể: Bà Dương Thị T cùng các con ông Nguyễn Văn Q trả lại phần đất có diện tích  $90\text{m}^2$ , ông Nguyễn Hữu B1 trả lại phần đất có diện tích  $160,4\text{m}^2$ , ông Nguyễn Văn D trả lại phần đất có diện tích  $112,2\text{m}^2$ , anh Nguyễn Hoàng G1 tháo dỡ căn nhà cất trên đất có diện tích  $41,20\text{m}^2$ , bà Nguyễn Thị A1 trả lại phần đất có diện tích  $207,6\text{m}^2$ , ông Nguyễn Văn B3 trả lại phần đất có diện tích  $275,9\text{m}^2$ , anh Nguyễn Văn S2 trả lại phần đất có diện tích  $115,1\text{m}^2$  và anh Nguyễn

Văn N là con của ông Em trả lại phần đất có diện tích 137,7m<sup>2</sup>. Đồng thời, yêu cầu hoàn trả lại chi phí đo vẽ cho ông V với số tiền là 45.694.000 đồng (bốn mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Đối với bà Dương Thị T, ông Nguyễn Hữu B1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn B3, ông Nguyễn Văn G1 (Nguyễn Hoàng G1), ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Minh S2 (Nguyễn Văn S2) có ý kiến tại các biên bản đo đạc phần đất tranh chấp vào các ngày 10/5/2022, 07/02/2023 không đồng ý với yêu cầu của ông Trương Quốc V vì không lấn phần đất bờ ranh của ông V.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số:64/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quốc V.

- Buộc bà Dương Thị T cùng anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn B4, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn G2, anh Nguyễn Văn L3, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B2 và chị Nguyễn Thị A2 trả cho ông Trương Quốc V phần đất diện tích là 90,0m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Buộc ông Nguyễn Hữu B1 trả cho ông Trương Quốc V phần đất diện tích 160,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Buộc ông Nguyễn Văn D trả cho ông Trương Quốc V phần đất diện tích 112,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Buộc ông Nguyễn Minh S2 (Nguyễn Văn S2) trả cho ông Trương Quốc V phần đất thuộc các thửa số 5, 10 có tổng diện tích 115,1m<sup>2</sup> (thửa số 5 có diện tích 108,9m<sup>2</sup> và thửa số 10 có diện tích 6,2m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Buộc ông Nguyễn Văn N trả cho ông Trương Quốc V phần đất diện tích 137,7m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Buộc bà Nguyễn Thị A1 trả cho ông Trương Quốc V phần đất diện tích 207,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Buộc ông Nguyễn Văn B3 trả cho ông Trương Quốc V phần đất diện tích 275,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Buộc anh Nguyễn Văn G1 (Nguyễn Hoàng G1) tháo dỡ căn nhà có kết cấu khung sườn gỗ, mái tiếp lô xi măng, nền đất được cất trên phần đất của anh Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị A1.

*(Kèm theo bản vẽ hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong đo vẽ được ký ngày 28/02/2023)*

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/4/2023, ông Nguyễn Văn B3, Anh Nguyễn Minh S2, bà Dương Thị T, bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn N, Anh Nguyễn Văn G1, ông Nguyễn Văn

D, Nguyễn Hữu B1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn B3, Anh Nguyễn Minh S2, bà Dương Thị T, bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn N, Anh Nguyễn Văn G1, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Hữu B1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Phần tranh luận tại phiên tòa:*

*Bà Dương Thị T tranh luận:* Yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Ông Nguyễn Văn B3 tranh luận:* Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông V.

*Ông Nguyễn Hữu B1 tranh luận:* Không có lấn chiếm đất của ông V.

*Bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn S2, anh Nguyễn Hoàng G1 và anh Nguyễn Văn N không tranh luận.*

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận:* Phần đất của ông V sử dụng thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn B3, Anh Nguyễn Minh S2, bà Dương Thị T, bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu B1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn G1. Sửa bản án sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn B3, anh Nguyễn Minh S2, bà Dương Thị T, bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn N, Anh Nguyễn Văn G1, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Hữu B1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trương Quốc V yêu cầu các bị đơn trả các phần đất cụ thể như sau: Bà Dương Thị T, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn B4, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn G2, anh Nguyễn Văn L3, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B2 và chị Nguyễn Thị A2 trả lại phần đất có diện tích 90m<sup>2</sup>; ông Nguyễn Hữu B1 trả lại phần đất có diện tích 160,4m<sup>2</sup>; ông Nguyễn Văn D trả lại phần đất có diện tích 112,2m<sup>2</sup>; anh Nguyễn Hoàng G1 tháo dỡ căn nhà cất trên đất có diện tích 41,20m<sup>2</sup>; bà Nguyễn Thị A1 trả lại phần đất có diện tích 207,6m<sup>2</sup>; ông Nguyễn Văn B3 trả lại phần đất có diện tích 275,9m<sup>2</sup>; anh Nguyễn Văn S2 (Nguyễn Minh S2) trả lại phần đất có diện tích 115,1m<sup>2</sup>; anh Nguyễn Văn N trả lại phần đất có diện tích 137,7m<sup>2</sup>.

[2] Ông V cho rằng, phần đất của ông V thực tế sử dụng diện tích 22.898,6 m<sup>2</sup>; trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V được cấp diện tích

26.100 m<sup>2</sup>. Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất của ông V giáp ranh với các bị đơn có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Tấn Phước và ông Tô Văn Sơn. Khi chuyển nhượng đất không có đo đạc diện tích thực tế mà chỉ căn cứ vào diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phước và ông S1 chuyển sang tên cho ông V, tứ cận không đúng thực tế và các bị đơn cũng không có ký giáp ranh khi ông V chuyển nhượng đất (BL 54-69). Cụ thể: Phần đất thửa 320 ông Phước chuyển nhượng cho ông V vào năm 2001 và ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10 tháng 4 năm 2001 thì phần đất này có vị trí tứ cận, phía bắc giáp kênh thủy lợi nhưng thực tế một đoạn ngắn giáp kênh còn đoạn còn lại giáp đất với các bị đơn; còn thửa số 321 nhận chuyển nhượng của ông Tô Văn Sơn năm 2002, phía đông giáp với thửa 4, 5, 6, 7 của ông B1, ông D, ông Q, ông Em chỉ có ông Nguyễn Văn Q ký tứ cận. Như vậy, khi ông V nhận chuyển nhượng đất không có sự thống nhất ranh với các bị đơn; không đo đạc cụ thể diện tích đất thực tế để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ông V căn cứ vào diện tích đất được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định đất ông V bị thiếu nên cho rằng các bị đơn lấn chiếm đất là không chính xác.

[3] Trong quá trình sử dụng đất, giữa ông V và các bị đơn có tranh chấp ranh là bờ và mương thường xuyên từ năm 2004 đến nay. Ông V trình bày, bờ tranh chấp và một phần mương giáp đất các bị đơn đang sử dụng là của ông V. Các bị đơn cho rằng, bờ tranh chấp là của các bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Biên bản thỏa thuận cậm trụ đá ranh giữa ông Trương Quốc V với các ông Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn B3, Nguyễn Văn Eldo Tổ hòa giải ấp 5, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau tổ chức thể hiện các đương sự thỏa thuận thống nhất cậm trụ đá làm ranh (BL 70). Tuy các trụ đá mà các đương sự thống nhất cậm làm ranh hiện nay không còn, nhưng những người tham gia buổi hòa giải như ông Đinh Tân Việt thuộc Tổ hòa giải và ông Huỳnh Tấn Phước là người đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trương Quốc V xác định: Mương từ Lung Bào Chứa đến phần bờ tranh chấp là mương chung; phần bờ tranh chấp là bờ chung. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng các bị đơn có bồi đắp một phần mương từ Lung Bào Chứa đến bờ chung nên Hội đồng xét xử chia cho các bị đơn được quyền sử dụng phần mương từ lung Bào Chứa đến phần bờ chung (bờ tranh chấp) ít hơn nguyên đơn; còn phần bờ chung (bờ tranh chấp) mỗi bên đương sự được quyền sử dụng  $\frac{1}{2}$  bờ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông V kiện đòi các bị đơn phần đất diện tích 652,4 m<sup>2</sup>. Chấp nhận yêu cầu của ông V phần đất diện tích 446,5 m<sup>2</sup>. Các bị đơn trả cho ông V phần đất, cụ thể: Ông Nguyễn Hữu B1 trả cho ông V 73,9 m<sup>2</sup>; ông Nguyễn Văn D trả cho ông V 38,0 m<sup>2</sup>; bà Dương Thị T và con của bà T trả cho ông V 24,7 m<sup>2</sup>; ông Nguyễn Văn S2 trả cho ông V 28,9 m<sup>2</sup>; anh Nguyễn Văn N trả cho ông V 36,8 m<sup>2</sup>; bà Nguyễn Thị A1 trả cho ông V 96,5 m<sup>2</sup>; ông Nguyễn Văn B3 trả cho ông V 147,7 m<sup>2</sup>.

[4] Căn nhà của anh Nguyễn Văn G1 có một phần cất trên phần đất diện tích 652,4 m<sup>2</sup> mà các bị đơn phải trả cho ông V nên anh G1 phải tháo dỡ, di dời nhà cất trên đất của ông V. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông G1.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu giữ y án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận. Bà T, ông B1, ông D, anh S2, anh N, bà A1, ông B3 kháng cáo có cơ sở chấp nhận một phần như nhận định trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần và không chấp nhận một phần.

[6] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B3, Anh Nguyễn Minh S2, bà Dương Thị T, bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Hữu B1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn G1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

[7] Chi phí tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu chi phí tố tụng. Do, ông V đã thanh toán toàn bộ chi phí tố tụng số tiền 45.694.000 đồng; ông V phải chịu chi phí tố tụng số tiền 27.039.500 đồng; các bị đơn phải hoàn trả cho ông V số tiền 18.564.500 đồng. Cụ thể, ông Nguyễn Hữu B1 phải trả số tiền 3.072.500 đồng; ông Nguyễn Văn D phải trả số tiền 1.580.000 đồng; bà Dương Thị T và con của bà T phải trả số tiền 1.027.000 đồng; anh Nguyễn Minh S2 phải trả số tiền 1.201.500 đồng; anh Nguyễn Văn N phải trả số tiền 1.530.000 đồng; bà Nguyễn Thị A1 phải trả số tiền 4.012.500 đồng; ông Nguyễn Văn B3 phải trả số tiền 6.141.000 đồng.

[8] Về án phí

[8.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Quốc V phải chịu án phí số tiền 1.467.900 đồng. Ông Nguyễn Văn B3, anh Nguyễn Minh S2, bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn G1, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Hữu B1, mỗi người phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (chưa nộp). Bà Dương Thị T, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn B4, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn G2, anh Nguyễn Văn L3, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B2 và chị Nguyễn Thị A2 phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (chưa nộp).

[8.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B3, anh Nguyễn Minh S2, bà Dương Thị T, bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Hữu B1 không phải chịu án phí; mỗi người có nộp 300.000 đồng được nhận lại. Anh Nguyễn Văn G1 phải chịu 300.000 đồng; có nộp tạm ứng 300.000 đồng, được chuyên thu, đối trừ.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn B3, anh Nguyễn Minh S2, bà Dương Thị T, bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu B1.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn G1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quốc V kiện đòi các bị đơn trả quyền sử dụng phần đất có diện tích 446,5m<sup>2</sup>.

Buộc bà Dương Thị T, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn B4, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn G2, anh Nguyễn Văn L3, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B2, chị Nguyễn Thị A2, ông Nguyễn Hữu B1, ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị T, anh Nguyễn Minh S2 (Còn gọi: Nguyễn Văn S2), anh Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn B3, anh Nguyễn Văn G1 (còn gọi: Nguyễn Hoàng G1) trả cho ông Trương Quốc V phần đất (M29K1K2K3K4K5K6K7K8K9K10M14M20M27M28) diện tích 446,5 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C .; cụ thể:

- Ông Nguyễn Hữu B1 trả cho ông Trương Quốc V phần đất (M29K1K2K3M26M27M28), thuộc thửa số 2b theo Bản vẽ hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong đo vẽ được ký ngày 28/7/2023 có diện tích là 73,9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Ông Nguyễn Văn D trả cho ông Trương Quốc V phần đất (M26K3K4M25), thuộc thửa số 3b theo bản vẽ hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong đo vẽ được ký ngày 28/7/2023 có diện tích là 38,0m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Bà Dương Thị T, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn B4, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn G2, anh Nguyễn Văn L3, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B2 và chị Nguyễn Thị A2 trả cho ông Trương Quốc V phần đất (M25K4K5M24), thuộc thửa 4b theo Bản vẽ hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong đo vẽ được ký ngày 28/7/2023 có diện tích 24,7 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Anh Nguyễn Minh S2 (Nguyễn Văn S2) trả cho ông Trương Quốc V phần đất thuộc các thửa số 5b, 10b theo bản vẽ hiện trạng thực tế của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong đo vẽ được ký ngày 28/7/2023 có tổng diện tích là 28,9m<sup>2</sup> (thửa số 5b (M24K5K6M23) có diện tích 26,3m<sup>2</sup> và thửa số 10b (M19K10M14) có diện tích 2,6m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Anh Nguyễn Văn N trả cho ông Trương Quốc V phần đất (M23K6K7M22), thuộc thửa số 7b theo bản vẽ hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong đo vẽ được ký ngày 28/7/2023 có diện tích là 36,8m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Bà Nguyễn Thị A1 trả cho ông Trương Quốc V phần đất (M22K7K8M21), thuộc thửa số 8b theo bản vẽ hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong đo vẽ được ký ngày 28/7/2023 có diện tích là 96,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Ông Nguyễn Văn B3 trả cho ông Trương Quốc V phần đất (M21K8K9K10M19M20), thuộc thửa số 9b theo bản vẽ hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong đo vẽ được ký ngày 28/7/2023 có diện tích là 147,7m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

- Buộc anh Nguyễn Văn G1 (Nguyễn Hoàng G1) tháo dỡ căn nhà có kết cấu khung sườn gỗ, mái tiếp lô xi măng, nền đất được cất trên phần đất các bị đơn phải trả cho ông Trương Quốc V diện tích 445,6 m<sup>2</sup>.

*(Kèm theo bản vẽ hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong đo vẽ được ký ngày 28/7/2023)*

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quốc V kiện đòi các bị đơn phần đất (K1M6M14K10K9K8K7k6K5K4K3K2) diện tích 652,4 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 5, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

3. Về chi phí tố tụng: Ông V phải chịu chi phí tố tụng số tiền 27.039.500 đồng (đã nộp xong). Ông Nguyễn Hữu B1 phải trả cho ông V số tiền 3.072.500 đồng; ông Nguyễn Văn D phải trả cho ông V số tiền 1.580.000 đồng; bà Dương Thị T, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn B4, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn G2, anh Nguyễn Văn L3, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B2 và chị Nguyễn Thị A2 phải trả cho ông V số tiền 1.027.000 đồng; anh Nguyễn Minh S2 phải trả cho ông V số tiền 1.201.500 đồng; anh Nguyễn Văn N phải trả cho ông V số tiền 1.530.000 đồng; bà Nguyễn Thị A1 phải trả cho ông V số tiền 4.012.500 đồng; ông Nguyễn Văn B3 phải trả cho ông V số tiền 6.141.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị T, anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn B4, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn G2, anh Nguyễn Văn L3, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B2 và chị Nguyễn Thị A2 phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng (chưa nộp).

Anh Nguyễn Văn G1 (Nguyễn Hoàng G1), anh Nguyễn Minh S2 (Nguyễn Văn S2), ông Nguyễn Hữu B1, ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn B3; mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí (chưa nộp).

Ông Trương Quốc V phải chịu án phí số tiền 1.467.900 đồng. Ngày 23/4/2021, ông V có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0000952 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà mau, được đối trừ; ông V còn phải nộp số tiền 1.167.900 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Hữu B1, anh Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị A1, bà Dương Thị T, ông Nguyễn Văn B3, anh Nguyễn Minh S2 không phải chịu án phí. Ngày 04/5/2023, ông D, ông B1, anh N,

bà A1, bà T, ông B3, anh S2 mỗi người có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo các biên lai số 0003290, 0003291, 0003293, 0003294, 0003295, 0003296, 0003297 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại. Anh Nguyễn Văn G1 phải chịu 300.000 đồng án phí. Ngày 04/5/2023, anh G1 có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003292 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu, đối trừ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Minh Trung**